

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 8 - 2018

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn và nuôi con khi ly
hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Đặng Anh Đoan

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 196/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Tuyết L**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: số 84B/5, ấp Hòa Th 1, xã Thạnh Q, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Bá L**, sinh năm 1983

Nơi cư trú: tổ 07, ấp Tr 1, thị trấn Phú M, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

(Chị L, anh L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết L và bị đơn anh Lê Bá L cùng thống nhất trình bày: Hai người quen biết nhau được khoảng 5 tháng, đến ngày 24/01/2014, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 228, cấp ngày 09/12/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh L ăn nhậu không lo cho vợ con, chơi cá độ bóng đá thiếu nợ, chị khuyên can thì anh L kiểm chuyện chửi mắng, do đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cảm thấy vợ chồng không thể chung sống, chính thức ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh Lê Bá L cũng đồng ý.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Kim L, sinh ngày 07/10/2015 và Lê Kim Ph, sinh ngày 07/10/2015, hiện đang chung sống với chị L. L hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi 2 con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L yêu cầu được nuôi 2 con không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung và nợ phải thu phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hiện tại anh L cư trú thị trấn Phú M, huyện Phú T, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND trú thị trấn Phú Mỹ, sau khi kết hôn anh chị lên Bình Dương làm công nhân sinh sống, sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân, từ khi ly thân đến nay không tạo điều kiện hàn gắn mà mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý, do đó Hội đồng xét xử công nhận là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về quan hệ con chung: Anh, chị thống nhất có 02 đứa tên Lê Kim L, sinh ngày 07/10/2015 và Lê Kim Ph, sinh ngày 07/10/2015, hiện đang chung sống với chị L, Khi ly hôn chị L và anh L đều có nguyện vọng nuôi con. HĐXX xét thấy việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền nghĩa vụ của mỗi bên đối với con chưa thành niên, hiện tại 2 cháu dưới 36 tháng tuổi được chị L nuôi dưỡng từ lúc sinh ra cho đến nay đã ổn định, nên tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng hai cháu đến thành niên hoặc tự lập được phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Anh L không phải cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị L và anh L phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là người xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Anh L không phải chịu án phí.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 55 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết L đối với anh Lê Bá L.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết L với anh Lê Bá L.

- Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Tuyết L được tiếp tục, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con tên Lê Kim L, sinh ngày 07/10/2015 và Lê Kim Ph, sinh ngày 07/10/2015 đến thành niên hoặc tự lập được, Anh L không cấp dưỡng cho con.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: không có.

- Về án phí so thẩm: Chị Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0016811 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Anh Lê Bá L không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Bùi Văn Chiến